TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-ST
Ngày: 17/5/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 293/2023/TLST-DS ngày 09/10/2023 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024; thông báo về việc hoãn phiên tòa số 41/TB-TA ngày 26/4/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V); trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - 111 A, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông K'Jac L, sinh năm 1998; cùng địa chỉ liên hệ: Tầng F, Tòa nhà P, số B U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 190952.23 ngày 23/11/2023), có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; ông Phùng Văn B, sinh năm 1977; nơi ĐKTT: Xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi tạm trú: 32/21 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (gọi tắt là V) trình bày:

Ngày 28/01/2019, Ngân hàng TMCP Q (V) ký với bà Nguyễn Thị T và ông Phùng Văn B Hợp đồng tín dụng số 027.HĐTD.VIB651.19 ngày 28/01/2019 với nội dung: Cho bà Huỳnh Thị T1, ông Phùng Văn B vay số tiền 555,000,000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi lăm triệu đồng); Mục đích: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA; Thời hạn vay: 72 tháng, từ ngày 29/01/2019 đến ngày 28/01/2025.

Lãi suất thời điểm giải ngân: 9.8%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân Khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.9%/năm; Trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 30, mỗi tháng trả 7,700,000 đồng, số tiền còn lại trả vào cuối kỳ; Trả nợ lãi: Hàng tháng trả vào ngày 30, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 01/03/2019; Trả phí: Theo quy định của V từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

VIB đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị T và ông Phùng Văn B theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 027. KUNN.VIB651.19 ngày 28/01/2019 với số tiền 555,000,000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô con, số loại Innova, biển kiểm soát 18A-141.81, số khung: RL4JW8EM6J3239325, số máy: 1TRA470030 theo Hợp đồng thế chấp số 027.HĐT.VIB651.19 ngày 28/01/2019 và Phụ lục 1 kèm theo.

Ngày 18/05/2021, bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế. Theo đó, V đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng Nguyễn Thị T và Phùng Văn B với hạn mức tín dụng là: 50,000,000 đồng, loại thẻ: V, mục đích vay: Tiêu dùng, lãi suất vay: Theo quy định của V trong từng thời kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị T và ông Phùng Văn B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh.

Tạm tính đến ngày 17/5/2024, bà Nguyễn Thị T và ông Phùng Văn B đã thanh toán cho V số tiền là 541,994,796 đồng (gốc: 361,900,000 đồng, lãi: 180,094,796 đồng), còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền: 327,862,832 đồng, trong đó gồm có: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 027.HDTD.VIB651.19 ngày 28/01/2019 là 253,392,969 đồng, Nợ gốc là: 193,100,000 đồng, nợ lãi là: 60,292,969 đồng; nợ thẻ tín dụng: 74,469,863 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thuận An giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Phùng Văn B phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V) tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/5/2024 là 327,862,832 đồng, trong đó:

Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 027.HĐTD.VIB651.19 ngày 28/01/2019 tạm tính đến ngày 17/5/2024 là: 253,392,969 đồng, bao gồm:

+ Nợ gốc: 193.100.000 đồng.

+ Nợ lãi 60.292.969 đồng.

Dư nợ thẻ tín dụng: 74.469.863 đồng.

2. Tiền lãi, lãi quá hạn tiếp tục phát sinh từ ngày 18/5/2024 cho đến khi bà Nguyễn Thị T và ông Phùng Văn B thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đối với tài sản đã thế chấp là 01 xe ô tô con, số loại Innova, biển kiểm soát 18A-141.81, số khung: RL4JW8EM6J3239325, số máy: 1TRA470030 theo Hợp đồng thế chấp số 027.HĐT.VIB651.19 ngày 28/01/2019 và Phụ lục 1 kèm theo nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng số 027.HĐTD.VIB651.19 ngày 28/01/2019; Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 027. KUNN.VIB651.19 ngày 28/01/2019; đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm ngày 18/5/2021; bảng tính lãi; biểu phí dịch vụ thẻ tín dụng; báo cáo phân bổ thu gốc, lãi, phí card; bản tự khai.

Bị đơn ông Phùng Văn B, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng, đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 027.HĐTD.VIB651.19 ngày 28/01/2019; Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 027. KUNN.VIB651.19 ngày 28/01/2019; đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm ngày 18/5/2021. Các bên tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự 2015; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng. Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy các hợp đồng nêu trên là hợp pháp nên phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Theo quy định tại Điều 91 và Điều 98 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010, nguyên đơn là tổ chức tín dụng được quyền cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, nguyên đơn và bị đơn được quyền thỏa thuận lãi suất và phí cấp tín dụng theo quy định pháp luật. Như vậy thỏa thuận lãi suất giữa ngân hàng, bị đơn là đúng quy định pháp luật. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn. Như vậy bị đơn phải có trách nhiệm cho ngân hàng tiền lãi quá hạn cho nguyên đơn đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/5/2024 là 327,862,832 đồng, trong đó:

Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 027.HĐTD.VIB651.19 ngày 28/01/2019 tạm tính đến ngày 17/5/2024 là: 253,392,969 đồng (Nợ gốc: 193.100.000 đồng; Nợ lãi 60.292.969 đồng).

Dư nợ thẻ tín dụng: 74.469.863 đồng.

[3.3] Tiền lãi, lãi quá hạn tiếp tục được tính từ ngày 18/5/2024 cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ; đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng đã ký.

[3.2] Đối với Hợp đồng thế chấp số 027.HĐT.VIB651.19 ngày 28/01/2019 và Phụ lục 1 kèm theo với tài sản được thế chấp là 01 xe ô tô con, số loại Innova, biển kiểm soát 18A-141.81, số khung: RL4JW8EM6J3239325, số máy: 1TRA470030 do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý. Trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí tố tụng đăng báo, đài phát thanh hết số tiền 3.274.544 đồng nguyên đơn đã nộp; bị đơn có nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; các điều 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 90, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Phùng Văn B và bà Nguyễn Thị T.

- Ông Phùng Văn B và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/5/2024) là 327,862,832 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm ba mươi hai đồng), trong đó:

Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 027.HĐTD.VIB651.19 ngày 28/01/2019 tạm tính đến ngày 17/5/2024 là: 253,392,969 đồng (Hai trăm năm mươi ba triệu ba trăm chín mươi hai đồng chín trăm sáu mươi chín nghìn), bao gồm:

+ Nợ gốc: 193.100.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

+ Nợ lãi 60.292.969 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm chín mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng).

Dư nợ thẻ tín dụng: 74.469.863 đồng (Bảy mươi bốn triệu bố trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày 18/5/2024, ông Phùng Văn B và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng theo quy định đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Phùng Văn B và bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 16.393.142 đồng (Mười sáu triệu ba trăm chín mươi ba nghìn một trăm bốn mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền 6.512.188 đồng (Sáu triệu năm trăm mười hai nghìn một trăm tám mươi tám đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013116 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí đăng báo, đài phát thanh: Bị đơn ông Phùng Văn B và bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 3.274.544 đồng (Ba triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS TP Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Ánh